

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26/08/2019

V/v: Xin ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Trần Thị Mộng Hà.

**- Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên- Cán bộ hội liên hiệp phụ nữ thành phố B- tỉnh Đồng Nai

2. Bà Thiều Thị Phi Loan- cán bộ hưu trí.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:** Bà Điều Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 08 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 681/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 04 năm 2019 về việc: “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2019/QĐXX-ST ngày 17/07/2019, Quyết định hoãn phiên Tòa số 175/2019/QĐST-HNGĐ ngày 01/08/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Thu H, sinh năm 1986

Địa chỉ: K4/111, khu phố 5, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hồng L, sinh năm 1983

Địa chỉ: K3/44, khu phố 3, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt, ông L vắng mặt không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Võ Thị Thu H trình bày:** bà và ông Nguyễn Hồng L tự nguyện tìm hiểu, kết hôn với nhau vào năm 2010 và được Ủy ban nhân dân phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn, hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đến tháng 6/2016 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng trong quan điểm sống, không cùng tiếng nói chung nên vợ chồng thường hay gây gổ cãi vả

và đánh nhau. Xét tình cảm không còn nên bà xin ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Võ Nhật H, sinh ngày: 19/09/2010. Nếu Tòa giải quyết ly hôn bà xin nuôi con, tạm thời không yêu cầu ông L cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Võ Hồng L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ kiện.

**\* Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật; bị đơn không chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật

**Về việc giải quyết vụ án:**

+ Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Thu H

+ Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Võ Nhật H, sinh ngày: 19/09/2010. Ly hôn đề nghị giao cháu H cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạm thời ông L không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung+ nợ chung: không đặt ra giải quyết.

+ Về án phí: bà H phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Bà Võ Thị Thu H có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Nguyễn Hồng L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông L là phù hợp.

**[2] Về quan hệ hôn nhân:** Bà Võ Thị Thu H và ông Nguyễn Hồng L tự nguyện tìm hiểu, sống chung với nhau vào năm 2010 có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ điều 9, 10, 11, 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 xác định quan hệ hôn nhân của bà H, ông L là hợp pháp. Nay bà H xin ly hôn, Tòa án căn cứ vào Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

**[3] Về yêu cầu xin ly hôn của bà H:** bà H xin ly hôn với ông L với lý do tính tình không hợp, bất đồng trong quan điểm sống, không cùng tiếng nói chung nên vợ chồng thường hay gây gổ cãi vã và đánh nhau. Xét tình cảm không còn nên bà xin ly

hôn

Ông L vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương thì được biết mâu thuẫn vợ chồng của bà H ông L là có thật, ông L thường hay đánh, chửi mắng bà H, ông bà thường xuyên cãi vã, gây gổ nhau.

Trên cơ sở tài liệu chứng cứ thu thập được, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông L là có thật và thực sự đã trầm trọng bởi lẽ vợ chồng có nghĩa vụ phải thương yêu nhau, tôn trọng lẫn nhau. Qua xác minh tại địa phương cho thấy lời trình bày của bà H là có thật theo đó bà H và ông L thường xuyên cãi vã gây gổ nhau, ông L thường hay đánh, mắng chửi bà H. Đồng thời quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử ông L đều vắng mặt không có lý do chứng tỏ ông L đã bỏ mặc quan hệ hôn nhân của mình nên có hạn gắn đoàn tụ ông bà cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H là phù hợp.

**[4] Về con chung:** Có 01 con chung tên Nguyễn Võ Nhật H, sinh ngày: 19/09/2010, hiện tại đang sống với bà H. Ly hôn bà H có nguyện vọng được nuôi con. Tòa án cũng đã triệu tập ông L nhiều lần trong quá trình giải quyết vụ kiện nhưng ông L vẫn vắng mặt không có lý do. Nên Hội đồng xét xử giao cháu H cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là thỏa đáng.

Bà H không yêu cầu ông L cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét.

**[5] Về tài sản chung+ nợ chung:** bà H không yêu cầu giải quyết. Do không lấy được lời khai của ông L nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

**[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:** Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

**[7]** Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận

*Vì các lý trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 203, khoản 2 điều 227, 228, 235, 238, 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 9, 10, 11, 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 131 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Võ Thị Thu H. Bà Võ Thị Thu H được ly hôn với ông Nguyễn Hồng L

2. Về con chung: có 01 cháu tên là Nguyễn Võ Nhật H, sinh ngày: 19/09/2010. Giao cháu Nguyễn Võ Nhật H, sinh ngày: 19/09/2010 cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; tạm thời ông L không phải cấp dưỡng nuôi con

Ông L được quyền đi lại thăm con không ai cản trở.

Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết ông bà được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0004431 ngày 22/03/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai (2);
- VKSND TP.B(2);
- THA Dân sự (1);
- UBND Phường B,
- Đương sự (2)
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**Trần Thị Mộng Hà**